

Số: **159**/BC-UBND

Phú Trạch, ngày **22** tháng **5** năm 2026

BÁO CÁO

Việc thực hiện các quy định của pháp luật về Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội từ ngày 01/07/2025 đến 31/03/2026 trên địa bàn xã Phú Trạch

Kính gửi: Đoàn giám sát chuyên đề Hội đồng nhân dân xã Phú Trạch.

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-TTHĐND ngày 20/04/2026 về việc Thành viên cụ thể tham gia đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân xã về “Việc thực hiện các quy định của pháp luật về Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội từ ngày 01/07/2025 đến 31/03/2026,,. UBND xã Phú Trạch báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với người có công với Cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã từ ngày 01/7/2025 đến 31/03/2026 cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Phú Trạch là xã nằm ở phía bắc tỉnh Quảng Trị, có diện tích tự nhiên 196,69 km, dân số hơn 30.347 người, xã có 26 thôn. Tính đến tháng 31/03/2026, toàn xã Phú Trạch có 391 người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, người đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí theo Nghị định 176/NĐ-CP của Chính Phủ là 1553 người.

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương chính sách đối với người có công với cách mạng nhằm thể hiện sự tri ân và ghi nhớ sâu sắc công lao to lớn của các anh hùng liệt sỹ, các mẹ Việt Nam Anh hùng, các Thương binh, bệnh binh và những người đã có công trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc và đối tượng bảo trợ xã hội.

Đây không chỉ là vấn đề chính trị - xã hội mà còn thực hiện đạo lý, truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “lá lành đùm lá rách”, “tình thân tương thân tương ái” của dân tộc. Đặc biệt kể từ ngày 01/07/2025 xã Phú Trạch được thành lập theo Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2025, trên cơ sở sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị (gồm 4 xã Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim, Quảng Hợp).

Với ý nghĩa đó trong năm qua UBND xã Phú Trạch đã chỉ đạo các ngành, đoàn thể tích cực tuyên truyền sâu rộng các chủ trương chế độ chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội đến với người dân một cách đầy đủ bằng văn bản và qua hệ thống đài truyền thanh của xã, hệ

thống loa phát thanh từ xã đến thôn. Triển khai thực hiện các chế độ chính sách ưu đãi đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội với cách mạng một cách công khai, minh bạch, giải quyết kịp thời và đúng đối tượng. Thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của người có công, nhất là những gia đình chính sách neo đơn, các đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các đối tượng bảo trợ xã hội.

II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, QUẢN TRIỆT VÀ CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỐI VỚI PHÁP LỆNH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG; CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt các chính sách, pháp luật

- Tuyên truyền trên các kênh thông tin

Xác định công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Vì vậy, phòng đã xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, chính sách người có công đầy đủ, kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng và Nhân dân trên địa bàn thông qua các cuộc họp thôn xóm và qua hệ thống truyền thanh của xã tuyên truyền về chính sách ưu đãi người có công, qua hệ thống bưu điện hoặc tuyên truyền bằng băng rôn, khẩu hiệu. Tổng cộng có 52 lượt tuyên truyền.

Bên cạnh đó, tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng. Chú trọng tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng, về sự hy sinh, cống hiến to lớn của các anh hùng liệt sĩ, thương bệnh binh, người có công với cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Thông tin về các chế độ, chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước, của tỉnh đối với người có công và thân nhân người có công với cách mạng; về điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục, xem xét xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi; công tác quản lý, chi trả chế độ trợ cấp và phụ cấp ưu đãi hàng tháng, trợ cấp ưu đãi một lần, giải quyết các chế độ: Bảo hiểm y tế, điều dưỡng phục hồi sức khỏe...đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng.

Tăng cường tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về các chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khuyết tật và toàn thể Nhân dân như: Luật Người khuyết tật, Luật Người cao tuổi, Nghị định 20/2021/NĐ-CP, Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH, Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 thông qua công tác chuyên môn và hệ thống truyền thanh địa phương để người dân nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

(Có phụ lục kèm theo Phụ lục 4)

Các quy trình thủ tục để giải quyết chế độ chính sách người có công với cách mạng và thân nhân được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa các thôn trên địa bàn giúp người dân nắm bắt kịp thời về chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước để thiết lập hồ sơ giải quyết chế độ kịp thời và đúng quy định.

- Việc tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn.

Sở Nội vụ đã quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác chính sách. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quá trình triển khai thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo đúng quy định của pháp luật. Từ sau sát nhập đến nay có 04 cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn về NCC và BTXH.

2. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai việc thực hiện các chính sách, pháp luật

2.1. Lĩnh vực người có công

- Việc triển khai thực hiện các văn bản cấp trên.

Để thực hiện tốt công tác chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, UBND xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020; Nghị định 75/2021/NĐ-CP ngày 24/07/2021 quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng.

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để triển khai thực hiện.

Trên cơ sở các văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng của Đảng, nhà nước, Phòng Văn hóa - Xã hội đã chủ động tham mưu UBND xã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác chính sách ưu đãi người có công với cách mạng kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và Nhân dân (Có phụ lục 4 đính kèm).

Bên cạnh đó, UBND xã đã chỉ đạo tổ chức rà soát, phân loại đầy đủ các nhóm đối tượng người có công; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, dữ liệu đối tượng; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc xác nhận, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và giải quyết chế độ chính sách tại cơ sở, góp phần đảm bảo việc thực hiện chính sách công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật.

2.2. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội

Để thực hiện tốt các chính sách trợ giúp đối tượng NKT theo quy định tại Luật Người khuyết tật, Nghị định 20/2021/NĐ-CP, Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH, Phòng Văn hóa - Xã hội đã tham mưu UBND xã đã ban hành các công văn, kế hoạch triển khai thực hiện một số hoạt động cụ thể.

Tham mưu cho UBND thành lập và kiện toàn Hội đồng xác định mức độ khuyết tật. Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản hướng dẫn. Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về trợ cấp hưu trí xã hội.

Nhờ vậy, công tác triển khai thực hiện các hoạt động trợ giúp xã hội đã đạt được nhiều kết quả, công tác trợ giúp thường xuyên, trợ giúp đột xuất và các chính sách trợ giúp khác được triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, đã giúp đối tượng yếu thế trong xã hội từng bước ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, góp phần làm giàu quê hương, đất nước. *(Phụ lục 3)*

3. Công tác phối hợp với các cấp các ngành trong thực hiện các chính sách

Cơ quan thường trực Phòng Văn hóa - Xã hội đã phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, tổ chức, hội, đoàn thể và các thôn trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với hỗ trợ người có công về nhà ở cũng như việc xét duyệt hồ sơ, giải quyết chế độ cho người có công đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng. Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội trong việc cấp thẻ Bảo hiểm y tế; phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự xã trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, giải quyết các trường hợp tòn đống theo Quyết định số: 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; phối hợp với Hội Cựu chiến binh, Hội thanh niên xung phong trong việc giải quyết các chế độ có liên quan theo quy định; phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã trong công tác vận động “Quỹ đền ơn, đáp nghĩa” và hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa.

Phối hợp với đơn vị Bảo hiểm xã hội trong việc theo dõi quản lý tăng, giảm đối tượng hưởng chế độ Bảo hiểm y tế ngay sau khi có quyết định phê duyệt đối tượng hưởng trợ cấp và quyết định thôi hưởng trợ cấp. Hàng tháng, hàng quý sẽ thực hiện việc đối chiếu số liệu tăng giảm biến động, tránh để xảy ra tình trạng trùng đối tượng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Chính sách đối với Người có công với cách mạng

1.1. Công tác rà soát, lập danh sách, quản lý đối tượng (Phân theo nhóm đối tượng) (có phụ lục đính kèm).

1.2. Về kết quả thực hiện chính sách cụ thể

- Chi trả trợ cấp, phụ cấp hàng tháng.

Tháng 8/2025: Chi trả cho 400 đối tượng với tổng số tiền: 1.258.782.000 đồng;

Tháng 9/2025: Chi trả cho 395 đối tượng với tổng số tiền: 1.233.533.000 đồng;

Tháng 10/2025: Chi trả cho 395 đối tượng với tổng số tiền: 1.232.509.000 đồng;

Tháng 11/2025: Chi trả cho 393 đối tượng với tổng số tiền: 1.226.998.000 đồng;

Tháng 12/2025: Chi trả cho 393 đối tượng với tổng số tiền: 1.226.998.000 đồng;

Tháng 1/2026: Chi trả cho 393 đối tượng với tổng số tiền: 1.226.998 đồng;

Tháng 2/2026: Chi trả cho 392 đối tượng với tổng số tiền: 1.224.209 đồng;

Tháng 3/2026: Chi trả cho 391 đối tượng với tổng số tiền 1.221.420 đồng;

- Chi trả trợ cấp mai táng phí, trợ cấp một lần:

Tháng 8/2025: Chi trả cho 10 đối tượng với tổng số tiền: 256.913.000 đồng;

Tháng 9/2025: Chi trả cho 01 đối tượng với tổng số tiền: 28.978.000 đồng;

Tháng 10/2025: Chi trả cho 05 đối tượng với tổng số tiền: 173.240.000 đồng;

Tháng 11/2025: Chi trả cho 03 đối tượng với tổng số tiền: 90.629.000 đồng;

Tháng 12/2025: Chi trả cho 04 đối tượng với tổng số tiền: 106.818.000 đồng;

Tháng 1/2026: Chi trả cho 05 đối tượng với tổng số tiền : 101.681.000 đồng;

Tháng 2/2026: Chi trả cho 01 đối tượng với tổng số tiền: 31.767.000 đồng.

1.3. Chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở

Đã chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể nhằm huy động các nguồn đóng góp từ nhân dân, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã, các nhà hảo tâm, từ nguồn kinh phí của tỉnh, của Trung ương để từng bước hỗ trợ xây dựng, tu sửa, nâng cấp nhà ở cho các đối tượng chính sách đang còn khó khăn về nhà ở. Việc hỗ trợ xây mới nhà cho người có công được thực hiện đảm bảo thủ tục hồ sơ đúng quy trình quy định.

Theo thống kê số liệu các hộ gia đình có người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ cần hỗ trợ cải thiện nhà ở giai đoạn 2025-2026 đến thời điểm bàn giao sau sát nhập 06 nhà. Trong đó có 04 nhà sửa chữa và 02 nhà xây mới đã được UBND xã nghiệm thu và giải ngân trong năm 2025. Đến thời điểm hiện tại có 08 nhà đăng ký xây mới và sửa chữa (Có danh sách đính kèm).

1.4. Các chính sách ưu đãi trong giáo dục - đào tạo, y tế, điều dưỡng, trang cấp dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng và các chính sách ưu đãi khác

Chế độ Ưu đãi trong giáo dục: Đã thực hiện chi trả cho 02 đối tượng học sinh với số tiền: 2.231.200 đồng.

Chế độ điều dưỡng: Phối hợp với Trung tâm điều dưỡng luân phiên người có công tại thành phố Đồng Hới tổ chức đưa đón đối tượng người có công đi điều

dưỡng phục hồi sức khoẻ theo chế độ quy định. Trong 6 tháng cuối năm 2025 năm đã thực hiện 01 đợt điều dưỡng tập trung với 23 người (*kinh phí điều dưỡng tập trung do Trung tâm Điều dưỡng Người có công của tỉnh thực hiện*). Chế độ điều dưỡng tại gia đình với 98 người tổng số tiền là 245.989.800 đồng và điều dưỡng tập trung là 23 đối tượng với tổng số tiền là 115.464.600 đồng.

Về chế độ trang cấp phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình: Có 02 đối tượng (*nhưng chưa đến niên hạn*).

Cấp thẻ bảo hiểm y tế: Đã cấp 401 thẻ với tổng số tiền: 253.763.000 đồng.

1.5. Thực hiện phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa”

Thăm tặng quà người có công nhân các dịp lễ, tết với tổng số tiền: 488.500.000 đồng (*Trong đó có quà theo nghị quyết 30, quà chủ tịch nước, quà thăm ốm đau...*).

Công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người có công với cách mạng nhân các dịp lễ, tết luôn được xã đặc biệt quan tâm nhằm để động viên cổ vũ, khích lệ tinh thần của người có công vươn lên ổn định cuộc sống. Hàng năm nhân dịp các ngày lễ, tết xã đã tổ chức các đoàn Lãnh đạo thăm tặng quà các gia đình người có công với cách mạng tiêu biểu, có hoàn cảnh khó khăn, đau ốm; biểu dương những tấm gương thương, bệnh binh, người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học vượt khó vươn lên sản xuất kinh doanh giỏi ổn định cuộc sống và góp phần xây dựng quê hương. Tổ chức viếng Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, Nghĩa trang Đường 9 Quảng Trị; Đoàn thanh niên tổ chức thắp nến tri ân các Anh hùng liệt sĩ tại các Nghĩa trang liệt sĩ trong toàn xã nhân dịp 27/7 hàng năm.

1.6. Công tác chăm sóc mộ, nghĩa trang liệt sĩ và tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính liệt sĩ

Trên địa bàn xã hiện có 4 nghĩa trang liệt sĩ, tổng số mộ liệt sĩ an táng tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn là 224 mộ.

Thực hiện tốt công tác quản lý mộ và các công trình ghi công liệt sĩ theo quy định của Nhà nước, Chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp với các trường học trên địa bàn thường xuyên chăm sóc đảm bảo các công trình ghi công liệt sĩ luôn sạch, đẹp, tôn nghiêm, từng bước đáp ứng nguyện vọng của người dân gia đình liệt sĩ và Nhân dân trên địa bàn xã. Qua đó góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, yêu nước đối với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

UBND xã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp với Công an xã rà soát, thống kê hiện trạng các nghĩa trang liệt sĩ và các phần mộ liệt sĩ chưa xác định được đầy đủ thông tin nhằm phục vụ công tác xác định danh tính liệt sĩ bằng phương pháp ADN theo quy định. Qua rà soát, đã xác định 65 mộ không có hài cốt; đợt 1 đã thực hiện lấy 56 mẫu thân nhân liên quan đến 42 phần mộ để phục vụ công tác đối chiếu, giám định ADN. Hiện nay, địa phương đang tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ để triển khai đợt lấy mẫu tiếp theo theo kế hoạch. Trong kỳ giám

sát, không phát sinh trường hợp quy tập hài cốt liệt sĩ; việc xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp ADN đang được các cơ quan chức năng tiếp tục thực hiện theo quy trình quy định.

1.7. Công tác cải cách hành chính

Công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ:

Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa thuộc lĩnh vực Người có công luôn được lãnh đạo xã, phòng quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với TTHC thuộc lĩnh vực người có công. Việc thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn, tồn đọng.

Về công tác chi trả không dùng tiền mặt, phòng tham mưu cho UBND tuyên truyền cho các đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng từng bước thực hiện chi trả qua tài khoản. Từ 7/2025 tỷ lệ chi trả không dùng tiền mặt là 11,25%, Đến thời điểm 31/3/2026 là 23%. Tăng 11,75 so với trước sát nhập.

1.8.. Công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại tố cáo

Phòng Văn hóa - Xã hội là đơn vị trực tiếp chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng Người có công và thân nhân người có công để nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của các đối tượng từ đó thực hiện công tác chính sách trên địa bàn ngày được tốt hơn.

Tính đến thời điểm hiện tại, Phòng Văn hóa - Xã hội có nhận được 01 đơn kiến nghị về chế độ trợ cấp Mai táng Phí (*Cửu chiến binh từ trần*). Phòng đã tham mưu cho UBND xã trả lời cho đối tượng kịp thời nên không có đơn kiến nghị vượt cấp.

2. Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

2.1. Rà soát, xác định, xét duyệt hồ sơ và quản lý đối tượng

+ Tổng số đối tượng hưởng BHXH tiếp nhận từ 1/7/2025 là 1274 đối tượng, tính đến 31/03/2026 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên: 1553 đối tượng tăng 279 đối tượng so với lúc tiếp nhận, trong 1553 đối tượng BHXH gồm các nhóm sau:

- Người cao tuổi cô đơn: 09 người;
- Người cao tuổi từ 70 đến 75 hưởng trợ cấp hưu trí là: 573 người;
- Người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng: 774 người;
- Người Khuyết tật nuôi con dưới 36 tháng tuổi: 02 người;
- Người nhiễm HIV từ 16 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo: 01 người;
- Trẻ em mồ côi: 04 người;
- Người nuôi dưỡng trẻ mồ côi: 04 người;
- Người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc diện hưởng trợ cấp: 36 người;
- Đối tượng chăm sóc NKT đặc biệt nặng là 150 người

+ Công tác xét duyệt đảm bảo công khai, dân chủ, kịp thời, đúng đối tượng. Hàng tháng Hội đồng xác định mức độ khuyết tật tổ chức xét 1 lần/tháng. Từ 1/7/2025 đến 31/3/2026 Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã đã tổ chức xét 5 đợt, với 103 hồ sơ.

2.2. Kết quả thực hiện chính sách cụ thể

2.2.1. Trợ cấp hàng tháng

Phòng Văn hóa - Xã hội hợp đồng với cơ quan Bưu điện xã chi trả đầy đủ, kịp thời cho 100% đối tượng.

- Tổng kinh phí trợ cấp xã hội cho đối tượng Bảo trợ xã hội cụ thể như sau:

- + Tháng 7 năm 2025 số tiền chi trả: 809.500.000 đồng;
- + Tháng 8 năm 2025 số tiền chi trả: 810.250.000 đồng;
- + Tháng 9 năm 2025 số tiền chi trả: 842.500.000 đồng;
- + Tháng 10 năm 2025 số tiền chi trả: 841.000.000 đồng;
- + Tháng 11 năm 2025 số tiền chi trả: 851.000.000 đồng;
- + Tháng 12 năm 2025 số tiền chi trả: 862.500.000 đồng;
- + Tháng 01 năm 2026 số tiền chi trả: 846.750.000 đồng;
- + Tháng 02 năm 2026 số tiền chi trả 842.500.000 đồng
- + Tháng 03 năm 2026 số tiền chi trả 839.500.000 đồng

2.2.2. Cấp thẻ bảo hiểm y tế

Công tác cấp thẻ BHYT được quan tâm thực hiện bảo đảm 100% đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng và được cấp thẻ bảo hiểm y tế; Theo quy định tại Điểm r, Khoản 3, Điều 12 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế 2024, xác định: người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng thuộc nhóm do ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế.

Đối với những đối tượng này, mức hưởng bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 22 Luật Bảo hiểm y tế là 100% chi phí khám, chữa bệnh. Những người khuyết tật với sức khỏe kém, đa số họ thường gặp khó khăn trong việc tự nuôi sống bản thân, hoặc có thu nhập nhưng thấp và bấp bênh. Do vậy việc hỗ trợ về chế độ bảo hiểm y tế như quy định trên là hợp lý, tạo điều kiện để họ được chăm sóc sức khỏe thường xuyên.

Từ 01/7/2025 đến tháng 31/03/2026 đã cấp thẻ BHYT cho 100% đối tượng hưởng BHXH, với số tiền 445.575.000đ.

2.2.3. Trợ giúp giáo dục, đào tạo, dạy nghề

Phối hợp hỗ trợ học sinh thuộc diện bảo trợ xã hội được miễn giảm học phí, hỗ trợ học tập theo quy định. Phối hợp với phòng Kinh tế và các cơ sở giáo dục trên địa bàn giải hỗ trợ học bổng và chi phí học tập cho 03 học sinh khuyết tật số tiền 28.580.000đ.

2.2.4. Hỗ trợ mai táng phí

Các chính sách về hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng BTXH được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Từ 7/2025 đến tháng 03/2026 chi trả mai táng phí cho 26 đối tượng, với số tiền 254.500.000đ, cụ thể như sau:

- + Tháng 8 năm 2025 chi trả mai táng phí cho 05 đối tượng, số tiền 50.000.000 đồng;
- + Tháng 9 năm 2025 chi trả mai táng phí cho 06 đối tượng, số tiền 58.000.000 đồng;
- + Tháng 10 năm 2025 chi trả mai táng phí cho 04 đối tượng, số tiền 39.000.000 đồng;
- + Tháng 11 năm 2025 chi trả mai táng phí cho 03 đối tượng, số tiền 28.500.000 đồng;
- + Tháng 01 năm 2026 chi trả mai táng phí cho 04 đối tượng, số tiền 39.000.000 đồng;
- + Tháng 03 năm 2026 chi trả mai táng phí cho 04 đối tượng, số tiền 40.000.000 đồng;

2.2.5. Trợ giúp khẩn cấp khác

Về hỗ trợ người bị thương nặng, bị chết, bị thiên tai được thực hiện đúng quy định. Từ 1/7/2025 đến nay, UBND xã đã trích từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội, số tiền 9.200.000 đồng để trợ cấp đột xuất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Lan thôn Bưởi Rỏi, gia đình Bà Trương Thị Tùng thôn Phú Lộc 4 có trẻ đuối nước, số tiền 3.200.000 đồng; hỗ trợ hộ ông Phạm Ngọc Khương thôn Hải Đông có tàu và người gặp nạn số tiền 3.000.000 đồng.

2.3. Công tác cải cách hành chính

Công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ: Công tác lập, thẩm định hồ sơ và phê duyệt đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn xã Phú Trạch đã triển khai thực hiện đúng quy định, đảm bảo khách quan, minh bạch, trợ cấp đúng đối tượng.

Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội luôn được lãnh đạo xã, phòng quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với TTHC thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội. Mặc dù khối lượng hồ sơ nhiều, thời gian giải quyết một số TTHC ngắn trong khi nguồn nhân lực còn hạn chế nhưng đơn vị đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn, tồn đọng. Từ 7/2025 đến tháng 3/2026 tiếp nhận 169 hồ sơ trên dịch vụ công, giải quyết chế độ cho 112 hồ sơ, hồ sơ được giải quyết đúng hạn là 112 hồ sơ, quá hạn 0 hồ sơ.

Các đối tượng BTXH hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được quản lý và cập nhật trên phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội.

Về công tác chi trả không dùng tiền mặt, phòng tham mưu cho UBND tuyên truyền cho các đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng từng bước thực hiện chi trả qua

tài khoản. Từ 7/2025 tỷ lệ chi trả không dùng tiền mặt là 9,7%, hiện nay tỷ lệ chi trả không dùng tiền mặt là 14,9% tăng 5,2% so với trước sát nhập.

2.4. Công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại tố cáo

Phòng VHXX phối hợp với đơn vị chi trả và lãnh đạo các thôn trên địa bàn thường xuyên kiểm tra biến động đối tượng. Kế hoạch trong cuối Quý II/2026 phòng tổ chức đoàn kiểm tra công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng đối với cơ quan Bưu điện xã.

Tính đến thời điểm hiện tại, địa phương chưa nhận được ý kiến khiếu nại, tố cáo liên quan đến đối tượng Bảo trợ xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong thời gian từ ngày 01/7/2025 đến 31/3/2026, công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Phú Trạch cơ bản được triển khai nghiêm túc, đúng quy định, đạt nhiều kết quả tích cực.

UBND xã đã kịp thời quán triệt, triển khai đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực người có công và bảo trợ xã hội; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp với tình hình thực tế địa phương sau sáp nhập đơn vị hành chính.

Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức phong phú, giúp người dân, đối tượng thụ hưởng nắm bắt đầy đủ chế độ, chính sách; nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, chăm lo người yếu thế trong xã hội.

Việc rà soát, xét duyệt, quản lý đối tượng được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định. Công tác chi trả trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, hỗ trợ mai táng phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế, điều dưỡng phục hồi sức khỏe và các chế độ ưu đãi khác được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, không để xảy ra sai sót lớn hay khiếu nại, tố cáo. Có được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự hướng dẫn chuyên môn của các sở, ngành liên quan.

Công tác phối hợp giữa UBND xã với các cơ quan, đơn vị liên quan như Bảo hiểm xã hội, Bưu điện, các tổ chức đoàn thể được duy trì chặt chẽ, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” tiếp tục được quan tâm thực hiện hiệu quả; việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người có công ngày càng thiết thực, tạo sự đồng thuận và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong 6 tháng cuối năm 2025 và 3 tháng đầu năm 2026 thực hiện công tác chi trả trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần đầy đủ, đảm bảo kịp thời, chính xác chi trả

đúng kỳ, đúng người, đúng số tiền và đến tận tay đối tượng thụ hưởng không để xảy ra tiêu cực, sai sót. Theo dõi cập nhật danh sách đối tượng tăng, giảm trợ cấp hàng tháng được đảm bảo đúng theo thời gian quy định.

Từ ngày 01/7/2025 đến 31/3/2026 đã chủ động thực hiện theo dõi, quản lý và chi trả đầy đủ chế độ ưu đãi giáo dục cho con của người có công với cách mạng đúng kỳ, đúng năm học; chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe hàng năm cho đối tượng người có công theo hình thức điều dưỡng tập trung và tại gia đình kịp thời đảm bảo. Không có trường hợp không được hưởng quyền lợi theo quy định.

Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước triển khai chuyển đổi số trong quản lý đối tượng và chi trả chế độ được chú trọng thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực an sinh xã hội.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc

2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện chính sách người có công và bảo trợ xã hội trên địa bàn vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, hồ sơ quản lý đối tượng chưa được bàn giao đầy đủ về địa phương, một số hồ sơ còn lưu trữ tại cấp tỉnh nên việc rà soát, đối chiếu, xác minh thông tin đối tượng đôi lúc còn khó khăn, ảnh hưởng đến công tác quản lý. Ngoài ra địa bàn rộng đối tượng nhiều nên công tác quản lý, cập nhật đối tượng gặp nhiều khó khăn.

Tỷ lệ chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt tuy đã được triển khai nhưng còn thấp; nhiều đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi chưa quen sử dụng công nghệ số, chưa có tài khoản ngân hàng hoặc điều kiện tiếp cận dịch vụ ngân hàng còn hạn chế.

Việc thực hiện chi trả thông qua cơ quan Bưu điện tuy đảm bảo đúng quy định nhưng công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đối tượng có lúc chưa sâu sát; công tác vận động người dân chuyển sang hình thức nhận trợ cấp qua tài khoản ATM còn hiệu quả chưa cao.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ, dữ liệu đối tượng vẫn còn hạn chế; dữ liệu quản lý giữa các ngành chưa thật sự đồng bộ.

2.2. Khó khăn, vướng mắc

Địa bàn xã rộng, dân cư phân bố không đồng đều, số lượng đối tượng chính sách và đối tượng bảo trợ xã hội lớn nên việc quản lý, rà soát, xác minh thông tin gặp nhiều khó khăn.

Khối lượng công việc trong lĩnh vực an sinh xã hội ngày càng tăng trong khi đội ngũ cán bộ phụ trách còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên áp lực công việc lớn.

Hồ sơ giải quyết chế độ một lần cho đối tượng được tặng thưởng huân huy chương vẫn chưa giải quyết dứt điểm. Hồ sơ Mai táng phí của các xã cũ vẫn còn tồn đọng.

Một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật còn hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ số, ảnh hưởng đến quá trình triển khai chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt.

Hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở chưa đồng bộ; trang thiết bị phục vụ công tác quản lý dữ liệu, chuyển đổi số còn thiếu.

Một số quy định, hướng dẫn liên quan đến tổ chức thực hiện chính sách sau sáp nhập chính quyền địa phương hai cấp còn chưa đồng bộ, gây lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện ở cơ sở.

3. Nguyên nhân của những kết quả đạt được; nguyên nhân tồn tại hạn chế.

3.1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Có được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự hướng dẫn chuyên môn của các sở, ngành liên quan.

UBND xã đã chủ động ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ chuyên môn, tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, đoàn thể, các thôn và cơ quan liên quan trong công tác tuyên truyền, rà soát, xét duyệt, chi trả chế độ góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách.

Đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực người có công và bảo trợ xã hội có tinh thần trách nhiệm, chủ động tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Nhân dân và các đối tượng thụ hưởng cơ bản đồng thuận, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. UBND xã đã chủ động ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ chuyên môn, tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

3.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Quá trình sáp nhập đơn vị hành chính làm phát sinh nhiều khó khăn trong công tác bàn giao, quản lý và đồng bộ hồ sơ, dữ liệu đối tượng.

Nguồn nhân lực thực hiện công tác an sinh xã hội tại địa phương còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ, trong khi khối lượng công việc ngày càng lớn.

Việc triển khai chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đối với người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã bước đầu đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, trong quá trình vận động đối tượng nhận trợ cấp qua tài khoản ngân hàng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

Phần lớn đối tượng hưởng chính sách là người cao tuổi, người khuyết tật, người neo đơn, sức khỏe yếu nên hạn chế trong việc tiếp cận công nghệ thông tin, sử dụng điện thoại thông minh, ứng dụng ngân hàng hoặc thao tác giao dịch qua ATM.

Nhiều đối tượng có tâm lý quen nhận tiền mặt trực tiếp từ trước đến nay nên còn e ngại, chưa đồng thuận chuyển sang hình thức nhận qua tài khoản ngân hàng.

Một số đối tượng ở xa trung tâm, điều kiện đi lại khó khăn; trên địa bàn chưa có nhiều điểm giao dịch ngân hàng, cây ATM nên việc rút tiền còn bất tiện.

Một bộ phận đối tượng chưa có giấy tờ tùy thân đồng bộ hoặc thông tin cá nhân chưa thống nhất nên gặp khó khăn trong quá trình mở tài khoản ngân hàng.

Đối với các trường hợp già yếu, đau ốm, không có người thân hỗ trợ thì việc thực hiện các thủ tục mở tài khoản, kích hoạt tài khoản và sử dụng dịch vụ ngân hàng gặp nhiều trở ngại.

Công tác phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn mặc dù đã được quan tâm nhưng nguồn nhân lực hỗ trợ tại cơ sở còn mỏng; cán bộ chuyên môn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên chưa có điều kiện hướng dẫn sâu sát từng đối tượng.

Hạ tầng viễn thông, đường truyền internet tại một số khu vực chưa thật sự ổn định, ảnh hưởng đến việc triển khai các dịch vụ thanh toán điện tử và giao dịch trực tuyến.

Một số đối tượng lo ngại về tính an toàn, bảo mật thông tin cá nhân và phát sinh phí dịch vụ khi sử dụng tài khoản ngân hàng nên chưa mạnh dạn tham gia thực hiện chi trả không dùng tiền mặt.

Việc phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa một số ngành, đơn vị chưa thật sự đồng bộ; một số văn bản hướng dẫn sau sáp nhập chưa được ban hành đầy đủ, kịp thời.

4. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật về Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Phú Trạch, UBND xã xác định một số giải pháp trọng tâm như sau:

4.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện

Tiếp tục quán triệt đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về người có công và bảo trợ xã hội đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong thực hiện chính sách an sinh xã hội; xác định đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên và quan trọng của địa phương.

Tăng cường phối hợp giữa Phòng Văn hóa - Xã hội với các ban, ngành, đoàn thể, các thôn, cơ quan Bảo hiểm xã hội, Bưu điện, ngân hàng trong quá trình triển khai thực hiện chính sách.

4.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật

Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng; tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở, các cuộc họp dân cư, mạng xã hội và thông qua tổ công nghệ số cộng đồng.

Tuyên truyền sâu rộng về ý nghĩa của công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, chăm lo người yếu thế trong xã hội.

Tăng cường tuyên truyền về chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt, tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID để người dân đồng thuận tham gia thực hiện.

4.3. Nâng cao chất lượng quản lý đối tượng và giải quyết chế độ chính sách

Thường xuyên rà soát, cập nhật biến động tăng, giảm đối tượng; quản lý hồ sơ khoa học, đầy đủ, đúng quy định.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu người có công và đối tượng bảo trợ xã hội; từng bước đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ trợ cấp, phụ cấp, mai táng phí, điều dưỡng, bảo hiểm y tế và các chế độ ưu đãi khác cho đối tượng thụ hưởng.

Thực hiện tốt công tác xét duyệt hồ sơ bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ và đúng đối tượng.

4.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số

Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho người dân.

Tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực người có công và bảo trợ xã hội.

Phối hợp với các ngân hàng, Bưu điện đẩy mạnh thực hiện chi trả không dùng tiền mặt; hỗ trợ mở tài khoản và hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản ngân hàng.

UBND xã tiếp tục tổ chức các đợt phát động tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên ứng dụng VNeID nhằm phục vụ hiệu quả công tác chuyển đổi số và Đề án 06.

4.5. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đối tượng chính sách

Thực hiện tốt các hoạt động thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, tết, ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7.

Huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công và các hộ có hoàn cảnh khó khăn.

Duy trì hiệu quả phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

Cần có kế hoạch tu sửa các hạng mục tại các nghĩa trang liệt sĩ đã xuống cấp.

4.6. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách

Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách lĩnh vực người có công và bảo trợ xã hội.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ và kỹ năng tiếp dân của đội ngũ cán bộ chuyên môn.

Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ trách nhiệm trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

4.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách tại cơ sở; kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai sót phát sinh.

Chủ động nắm bắt tình hình đời sống của người có công và đối tượng bảo trợ xã hội để có giải pháp hỗ trợ kịp thời.

Phát huy vai trò giám sát của HĐND, MTTQ và các tổ chức đoàn thể trong thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

4.8. Huy động nguồn lực phục vụ công tác an sinh xã hội

Chủ động tranh thủ các nguồn lực từ Trung ương, tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp, nhà hảo tâm để hỗ trợ thực hiện chính sách người có công và bảo trợ xã hội.

Quan tâm đầu tư trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số và quản lý dữ liệu tại địa phương.

Bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội, chăm lo đối tượng chính sách trên địa bàn xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chính sách ưu đãi người có công và trợ giúp xã hội theo hướng phù hợp với tình hình thực tiễn và mức sống của Nhân dân.

Quan tâm điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp phù hợp với biến động giá cả thị trường, bảo đảm đời sống cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

Sớm sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Đối với Tỉnh

Quan tâm bố trí nguồn lực, kinh phí và trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ địa phương thực hiện hiệu quả công tác an sinh xã hội và chuyển đổi số.

Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với các Sở, ngành liên quan

Tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kịp thời cho địa phương trong quá trình triển khai các chính sách.

Quan tâm hỗ trợ kết nối, đồng bộ dữ liệu quản lý đối tượng giữa các ngành, các cấp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và hạn chế sai sót trong quá trình thực hiện các chính sách.

4. Đối với Hội đồng nhân dân xã

Tiếp tục quan tâm tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Quan tâm ban hành các nghị quyết, cơ chế hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần cho người có công, thân nhân người có công và các đối tượng yếu thế trong xã hội.

Tăng cường giám sát việc bố trí nguồn lực, kinh phí phục vụ công tác an sinh xã hội, chuyển đổi số và cải cách hành chính trong lĩnh vực người có công, bảo trợ xã hội tại địa phương.

Quan tâm kiến nghị với cấp trên tháo gỡ những khó khăn, bất cập phát sinh sau sáp nhập đơn vị hành chính; hỗ trợ địa phương trong công tác quản lý hồ sơ, dữ liệu đối tượng và triển khai chính sách an sinh xã hội theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

5. Kiến nghị khác

Hỗ trợ bổ sung trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số tại cấp xã.

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là Báo cáo của UBND xã Phú Trạch về việc thực hiện các quy định của pháp luật về Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/3/2026 trên địa bàn xã Phú Trạch. UBND xã kính báo cáo Hội đồng nhân dân xã và Đoàn giám sát xem xét, kết luận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban VH-XH HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thị Lệ Hằng



**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG ĐANG HƯỞNG
TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG**

(Kèm theo Báo cáo số.../BC ngày ...tháng...năm 2026 của UBND xã)

TT	Đối tượng	Số lượng đối tượng	Ghi chú
I	Người hoạt động cách mạng:		
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 diện thoát ly		
2	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 diện không thoát ly		
3	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945		
II	Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng		
1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
2	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	-	
III	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh:	147	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 60%	142	Chi tiết theo từng tỷ lệ tổn thương cơ thể ở biểu số 2
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%	4	
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	1	Chi tiết theo từng tỷ lệ TTCT ở biểu số 2 (bao gồm cả đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có vết thương ĐBN)
	Trong đó: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng		Tổng số đối tượng có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng
IV	Thương binh loại B:	3	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 60%	2	Chi tiết theo từng tỷ lệ tổn thương cơ thể ở biểu số 2
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%		
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở		Chi tiết theo từng tỷ lệ TTCT ở

	lên	1	biểu số 2 (bao gồm cả đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có VT ĐBN)
	Trong đó: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng		Tổng số đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có VT ĐBN
V	Bệnh binh:	45	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 70%	36	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 71% đến 80%	9	
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% đến 90%		Bao gồm cả đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng
4	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 91% đến 100%		
	Trong đó: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng		Tổng số đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng
VI	Bệnh binh hạng 3:	16	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến 50%	13	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 51% đến 60%	3	
VII	Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, người hưởng CS NTB, thương binh B, bệnh binh, người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học:	2	
1	Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình		
2	Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên ở gia đình	1	
3	Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng (bệnh tật đặc biệt nặng) ở gia đình	1	

4	Người phục vụ người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên sống ở gia đình		
VIII	Trợ cấp tuất:	76	
1	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân 01 liệt sĩ	30	
2	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân 02 liệt sĩ		
3	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân 03 liệt sĩ trở lên		
4	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân liệt sĩ		
5	Trợ cấp tiền tuất đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác		
6	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945		
7	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945		
8	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945		
9	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945		
10	Trợ cấp tuất đối với thân nhân thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần	41	
11	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần	1	
12	Trợ cấp tuất đối với thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần	4	

13	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần		
IX	Người có công giúp đỡ cách mạng:	-	
1	Trợ cấp hàng tháng đối với người có công giúp đỡ cách mạng trước cách mạng tháng Tám năm 1945		
2	Trợ cấp nuôi dưỡng đối với người có công giúp đỡ cách mạng trước cách mạng tháng Tám năm 1945		
3	Trợ cấp hàng tháng đối với người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến		
4	Trợ cấp nuôi dưỡng đối với người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến		
X	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học:	53	
1	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	2	
2	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đặc biệt nặng		
3	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% - 80%	4	
4	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% - 60%	27	
5	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% - 40%	3	
6	TB, TB B, BB, người hưởng MSLĐ bị nhiễm CDHH	17	
XI	Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học:	46	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	9	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% - 80%	37	
XII	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	2	

XIII	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	1	
XIV	Cán bộ, chiến sĩ CAND tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong CAND đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương		
XV	Đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc		
	Tổng cộng	391	



Phục lục 2

Tổng số người bảo trợ xã hội

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày ...tháng 06 năm 2026 của UBND xã)

TT	Đối tượng	Năm 2026 (tính đến 30/3/2026)
1	Người cao tuổi cô đơn	09
2	Người cao tuổi 70 đến 75 tuổi trở lên	573
3	Người khuyết tật nặng và Đặc biệt nặng	774
4	Người khuyết tật nuôi con dưới 36 tháng tuổi	02
5	Người nhiễm HIV từ 16 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo	01
6	Trẻ mồ côi	04
7	Người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc diện hưởng trợ cấp	36
8	Người chăm sóc NKT đặc biệt nặng là	150
	Cộng:	1553



Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo NCC và BTXH

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày ...tháng...năm 2026 của UBND xã)

TT	Cơ quan ban hành	Số hiệu văn bản	Ngày/tháng/ng/năm	Nội dung văn bản
I/ Người có công				
1	UBND xã	Số 01/KH-UBND	14/07/2025	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh Liệt sĩ(27/7/1947-27/7/2025)
2	UBND xã	Số 126/QĐ-UBND	31/07/2025	Về việc : thành lập quỹ đền ơn đáp nghĩa xã Phú Trạch
3	UBND xã	Số 16/KH-UBND	27/08/2025	Tổ chức lễ Lễ viếng Mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các nghĩa trang trên địa bàn xã Phú Trạch nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9.
4	UBND xã	Số 517/UBND-VHXH	25/11/2025	Về việc xin điều chỉnh hình thức điều dưỡng đôi với NCC và thân nhân Liệt sĩ năm 2025.
5	Phòng VHXH	Số 19/TB-VHXH	29/08/2025	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 8/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch
6	Phòng VHXH	Số 23/TB-VHXH	12/09/2025	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 9/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch
7	Phòng VHXH	Số /TB-VHXH	10/10/2025	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 10/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch
8	Phòng VHXH	Số 63/TB-VHXH	07/11/2025	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 11/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch
9	Phòng VHXH	Số /TB-VHXH	5/12/2025	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 12/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch
10	UBND xã	Số 103/TB-UBND	17/12/2025	Kế hoạch tổ chức Lễ viếng , đặt vòng hoa tại mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các nghĩa trang Liệt sĩ xã Phú Trạch và tổ chức đi thăm tặng quà nhân dịp kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam(22/12/1944-22/12/2025) 36 năm ngày hội quốc phòng toàn dân (22/12/1989-22/12/2025)
11	UBND xã	Số 1210A/QĐ-UBND	31/12/2025	Về việc thành lập Hội đồng xác nhận Người có công xã Phú Trạch
12	Phòng VHXH	Số: 06/TT-VHXH	13/01/2026	Về việc đề nghị phê duyệt danh sách thăm tặng quà NCC và thân nhân NCC với cách mạng nhân dịp tết

				Nguyên Đán Bính Ngọ năm 2026
13	Phòng VHXH	Số 20/TB- VHXH	19/01/2026	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 1-2/2026 và tiền điện hộ nghèo Quý 4 năm 2025 trên địa bàn xã Phú Trạch
14	Phòng VHXH	Số 30 /TB- VHXH	6/3/2026	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 3/2026 trên địa bàn xã Phú Trạch
II/ Bảo trợ xã hội				
1	UBND xã	16/UBND- VHXH	10/07/2025	Về việc triển khai Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính Phủ về trợ cấp Hưu trí xã hội
2	UBND xã	97/QĐ-UBND	18/07/2025	Quyết định thành lập Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Phú Trạch
3	UBND xã	133/QĐ-UBND	04/08/2025	Quyết định về Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật
4	UBND xã	336/QĐ-UBND	19/09/2025	Quyết định kiện toàn Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã Phú Trạch
5	UBND xã	52/TB-UBND	07/09/2025	Thông báo niêm yết công khai xét mức độ khuyết tật
6	UBND xã	50/TB-UBND	26/09/2025	Thông báo niêm yết công khai xét mức độ khuyết tật
7	UBND xã	50/TB-UBND	07/10/2025	Thông báo niêm yết công khai xét mức độ khuyết tật
8	UBND xã	77/TB-UBND	14/11/2025	Thông báo niêm yết công khai xét mức độ khuyết tật
7	UBND xã	105/TB-UBND	22/12/2025	Thông báo niêm yết công khai xét mức độ khuyết tật
8	UBND	18/TB-UBND	02/01/2026	Thông báo niêm yết công khai xét mức độ khuyết tật
2	Phòng VHXH	49/VHXH	27/10/2025	V/v Cung cấp thông tin người được xác định mức độ khuyết tật



Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền về công tác NCC và BTXH trên địa bàn xã

(Kèm theo Báo cáo số.../BC ngày ...tháng...năm 2026 của UBND xã)

TT	Nội dung tuyên truyền	Lượt	Ghi chú
1	Luật người khuyết tật	5	
2	Luật người cao tuổi	5	
3	Nghị định 176/2025/NĐ-CP của Chính Phủ	10	
4	Thông báo niêm yết công khai xét các đối tượng khuyết tật	10	
5	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh Liệt sĩ(27/7/1947-27/7/2025)	2	
6	Tổ chức lễ Lễ viếng Mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các nghĩa trang trên địa bàn xã Phú Trạch nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9.	2	
7	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 8/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch	2	
8	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 9/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch	2	
9	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 10/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch	2	
10	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 11/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch	2	
11	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 12/2025 trên địa bàn xã Phú Trạch	2	
12	Kế hoạch tổ chức Lễ viếng , đặt vòng hoa tại mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các nghĩa trang Liệt sĩ xã Phú Trạch và tổ chức đi thăm tặng quà nhân dịp kỷ niệm 81 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam(22/12/1944-22/12/2025) 36 năm ngày hội quốc phòng toàn dân (22/12/1989-22/12/2025)	2	
13	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 1-2/2026 và tiền điện hộ nghèo Quý 4 năm 2025 trên địa bàn xã Phú Trạch	2	
14	Về việc chi trả tiền trợ cấp NCC tháng 3/2026 trên địa bàn xã Phú Trạch	2	
15	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh Liệt sĩ(27/7/1947-27/7/2025)	2	
	Tổng cộng	52	



Danh sách đính kèm hồ trợ nhà ở cho NCC với cách mạng và thân nhân liệt sỹ
(Kèm theo Báo cáo số.../BC ngày ...tháng...năm 2026 của UBND xã)

STT	Họ tên	Đối tượng	Địa chỉ	Thực trạng nhà ở	Nhu cầu		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
1	Đặng Đình	NCC	Vĩnh Sơn	Xuống cấp		x	
2	Phạm Hồng Thanh	NCC	Tân Phú	Xuống cấp	x		
3	Trịnh Văn Thính	NCC	Phú Lộc 4	Xuống cấp		x	
4	Nguyễn Tiến	Thân nhân	Phú Lộc 4	Xuống cấp	x		
5	Nguyễn Văn Tín	NCC	Nam Lãnh	Xuống cấp		x	
6	Lê Minh Hoàn	Thân nhân	Nam Lãnh	Xuống cấp		x	
7	Trần Thị Mạnh	NCC	Nam Lãnh	Xuống cấp		x	
8	Lê Văn Lập	NCC	Nam Lãnh	Xuống cấp		x	

BIỂU SỐ 04:
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG ĐANG
HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG (Tính đến 31/3/2026)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Phú Trạch)

TT	Đối tượng	Tổng số đối tượng	Ghi chú
I	Người hoạt động cách mạng:		
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 diện thoát ly		
2	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 diện không thoát ly		
3	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945		
II	Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng		
1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
2	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	-	
III	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh:	147	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 60%	142	Chi tiết theo từng tỷ lệ tổn thương cơ thể ở biểu số 2
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%	4	
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	1	Chi tiết theo từng tỷ lệ TTCT ở biểu số 2 (bao gồm cả đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có vết thương ĐBN)
	Trong đó: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng		Tổng số đối tượng có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng
IV	Thương binh loại B:	3	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 60%	2	Chi tiết theo từng tỷ lệ tổn thương cơ thể ở biểu số 2
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%		
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	1	Chi tiết theo từng tỷ lệ TTCT ở biểu số 2 (bao gồm cả đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có VT ĐBN)
	Trong đó: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng		Tổng số đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có VT ĐBN
V	Bệnh binh:	45	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 70%	36	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 71% đến 80%	9	
3	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% đến 90%		Bao gồm cả đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng
4	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 91% đến 100%		
	Trong đó: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng		Tổng số đối tượng có tỷ lệ TTCT từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng
VI	Bệnh binh hạng 3:	16	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến 50%	13	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 51% đến 60%	3	
VII	Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, người hưởng CS NTB, thương binh B, bệnh binh, người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học:	2	
1	Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình		
2	Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên ở gia đình	1	

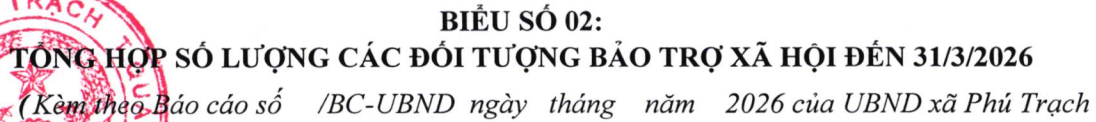
TT	Đối tượng	Tổng số đối tượng	Ghi chú
3	Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng (bệnh tật đặc biệt nặng) ở gia đình	1	
4	Người phục vụ người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên sống ở gia đình		
VIII	Trợ cấp tuất:	76	
1	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân 01 liệt sĩ	30	
2	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân 02 liệt sĩ		
3	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân 03 liệt sĩ trở lên		
4	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân liệt sỹ		
5	Trợ cấp tiền tuất đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác		
6	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945		
7	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân người hoạt cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945		
8	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945		
9	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945		
10	Trợ cấp tuất đối với thân nhân thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần	41	
11	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần	1	
12	Trợ cấp tuất đối với thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần	4	
13	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần		
IX	Người có công giúp đỡ cách mạng:	-	
1	Trợ cấp hàng tháng đối với người có công giúp đỡ cách mạng trước cách mạng tháng Tám năm 1945		
2	Trợ cấp nuôi dưỡng đối với người có công giúp đỡ cách mạng trước cách mạng tháng Tám năm 1945		
3	Trợ cấp hàng tháng đối với người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến		
4	Trợ cấp nuôi dưỡng đối với người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến		
X	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học:	53	
1	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	2	
2	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đặc biệt nặng		
3	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% - 80%	4	
4	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% - 60%	27	
5	Bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% - 40%	3	
6	TB, TB B, BB, người hưởng MSLĐ bị nhiễm CĐHH	17	
XI	Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học:	46	
1	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	9	
2	Có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% - 80%	37	
XII	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	2	

TT	Đối tượng	Tổng số đối tượng	Ghi chú
XIII	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	1	
	Tổng cộng	391	

**BIỂU SỐ 1: SỐ LIỆU TỔNG HỢP CÁC ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI TỪ 1/7/2025 ĐẾN 30/3/2026***(Kèm theo Đề cương của Đoàn giám sát chuyên đề của HĐND xã Phú Trạch)*

TT	Đối tượng	Tổng hồ sơ được tiếp nhận	Trong đó (1/7/2025 đến 31/12/2025)				Trong đó (1/1/2026 đến 30/4/2026)			
			Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Đông cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Phú cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Kim cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Hợp cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Đông cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Phú cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Kim cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Hợp cũ
	TỔNG CỘNG	103								
I	TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG									
1	Trẻ dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng		2	3	0	2	2	3	0	2
2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học		0	0	0	1	0	0	0	1
3	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo		0	0	0	0	0	0	0	0
4	Người đơn thân nghèo nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 - 22 tuổi đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học		4	20	8	14	1	17	7	11
5	Người cao tuổi		114	205	92	149	128	187	96	161
6	Người khuyết tật									
	<i>Người khuyết tật đặc biệt nặng</i>		32	49	31	33	35	48	31	35
	<i>Người khuyết tật nặng</i>		72	291	98	141	80	291	97	157
7	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo		0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Đối tượng	Tổng hồ sơ được tiếp nhận	Trong đó (1/7/2025 đến 31/12/2025)				Trong đó (1/1/2026 đến 30/4/2026)			
			Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Đông cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Phú cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Kim cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Hợp cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Đông cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Phú cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Kim cũ	Tổng số đối tượng của các Thôn thuộc địa bàn xã Quảng Hợp cũ
8	Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định		0	1	0	0	0	1	0	0
II	CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TẠI CỘNG ĐỒNG		37	48	33	37	35	47	33	35
III	HỖ TRỢ MAI TÁNG PHÍ		1	8	5	4	0	3	2	3
IV	CẤP THẺ BHYT		248	521	227	354	243	461	205	356

[illegible]

TT	Đối tượng	Số đối tượng đến 31/3/2026	Năm 2025 (1/7/2025 đến 31/12/2025) gồm				Năm 2026 (Tính đến 31/3/2026) gồm			
			Đối tượng thuộc địa bàn xã Quảng Đông cũ	Đối tượng thuộc địa bàn xã Quảng Phú cũ	Đối tượng thuộc địa bàn xã Quảng Kim cũ	Đối tượng thuộc địa bàn xã Quảng Hợp cũ	Đối tượng thuộc địa bàn xã Quảng Đông cũ	Đối tượng thuộc địa bàn xã Quảng Phú cũ	Đối tượng thuộc địa bàn xã Quảng Kim cũ	Đối tượng thuộc địa bàn xã Quảng Hợp cũ
8	Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định	1	0	1	0	0	0	1	0	0
9	NKT nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi	2	0	1	2	0	0	0	2	0
II	CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TẠI CỘNG ĐỒNG	150	37	48	33	37	35	47	33	35
III	HỖ TRỢ MAI TÁNG PHÍ	26	1	8	5	4	0	3	2	3
IV	CẤP THẺ BHYT	635	248	521	227	354	243	461	205	356



BIỂU SỐ 01:
TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG, CHI PHÍ MAI TÁNG PHÍ
(Từ 1/7/2025 đến 31/3/2026)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Phú Trạch)

ĐVT: Đồng

TT	Đối tượng	Tổng cộng KP chi trả đến 31/03/2026	Năm 2025 (Từ 1/7/2025 đến 31/12/2025)		Năm 2026 (Tính đến 31/3/2026)		Ghi chú
			Đối tượng	Kinh phí	Đối tượng	Kinh phí	
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>8.245.576.250</u>		<u>5.431.227.650</u>		<u>2.814.348.600</u>	
I	TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG	7.545.500.000		5.016.750.000		2.528.750.000	
1	Người cao tuổi nghèo, cô đơn 60-80 tuổi		72	54.000.000	27	18.225.000	
2	Đơn thân nuôi 1 con nhỏ		108	54.000.000	30	15.000.000	
3	Đơn thân nuôi 2 con nhỏ		120	120.000.000	54	72.200.000	
4	Đơn thân nuôi 3 con nhỏ		48	72.000.000	18	27.000.000	
5	Đơn thân nuôi 4 con nhỏ		12	24.000.000	6	24.000.000	
6	Trẻ mồ côi từ 4- dưới 16 tuổi		24	18.000.000	12	36.000.000	
7	Nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mồ côi từ 4- dưới 16 tuổi		30	22.500.000	12	36.000.000	
8	Người khuyết tật nặng trẻ em dưới 16 tuổi		360	360.000.000	145	145.000.000	
9	Người KT nặng từ 16-60 tuổi		1.799	1.349.250.000	954	712.500.000	
10	Người KT nặng từ 60 tuổi trở lên		1.427	1.427.000.000	720	720.000.000	
11	Người KT đặc biệt nặng là trẻ em dưới 16t		132	165.000.000	18	67.500.000	
12	Người KT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi		370	370.000.000	68	200.000.000	
13	Người KT đặc biệt nặng từ 60 tuổi trở lên		396	495.000.000	180	225.000.000	
14	Người chăm sóc đối tượng đặc biệt nặng		930	465.000.000	445	223.575.000	

15	NKT nặng nuôi 1 con dưới 36 tháng		18	16.500.000	2	4.500.000	
16	Người nhiễm HIV từ 16t trở lên là HN		6	4.500.000	1	2.250.000	
II	HỖ TRỢ MAI TÁNG PHÍ	254.500.000	18	175.500.000	8	79.000.000	
III	CẤP THẺ BHYT	445.576.250	635	238.977.650	650	206.598.600	

**BIỂU SỐ 05:****TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ (Tính đến 31/03/2026)***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Phú Trạch)*

TT	Đối tượng	Đối tượng được cấp thẻ BHYT
1	Người hoạt động cách mạng:	
1.1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	
1.2	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	
2	Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng	0
2.1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng	
2.2	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	
3	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	132
4	Thương binh loại B	3
5	Bệnh binh	35
6	Bệnh binh hạng 3	16
7	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học	23
8	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng	0
9	Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến	56
10	Con đẻ có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên của người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	
11	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	
12	Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
13	Thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp (theo QĐ số 170/2008/QĐ-TTg)	0
14	Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh B, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	0
14.1	Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng	
14.2	Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	
14.3	Người phục vụ bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	
14.4	Người phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	
15	Thân nhân người có công	
15.1	Thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 từ trần	0
15.2	Thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 từ trần	0
15.3	Thân nhân liệt sĩ	44
15.4	Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	0
15.5	Thân nhân của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	0

TT	Đối tượng	Đối tượng được cấp thẻ BHYT
15.6	Thân nhân của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết	7
15.7	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần	
15.8	Thân nhân của bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên	34
15.9	Thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên	4
15.10	Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học:	46
16	Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	1
	Tổng cộng:	401